

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Số: 1783/QĐ-ĐHL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1124/QĐ-TTg ngày 23/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường đại học thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN);

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo Thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCLGD Trường ĐH Luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 08 chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ định hướng nghiên cứu của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN bao gồm:

1. CTĐT chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính;
2. CTĐT chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự;



3. CTĐT chuyên ngành Luật hình sự và tổ tụng hình sự;
4. CTĐT chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;
5. CTĐT chuyên ngành Luật kinh tế;
6. CTĐT chuyên ngành Luật quốc tế;
7. CTĐT chuyên ngành Pháp luật về quyền con người;
8. CTĐT chuyên ngành Quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng.

Nội dung các chương trình đào tạo sau điều chỉnh kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ nói trên được áp dụng cho sinh viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo và công tác Học sinh sinh viên, Trưởng các Phòng chức năng, Chủ nhiệm các Khoa chuyên môn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Quế Anh





CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

NGÀNH: LUẬT

CHUYÊN NGÀNH: LUẬT KINH TẾ

MÃ SỐ: 8380101.05

*(Ban hành theo Quyết định số 1883/QĐ-ĐHL, ngày 30 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Luật kinh tế
- + Tiếng Anh: Economic law

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8380101.05

- Tên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Luật
- + Tiếng Anh: Law

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

- + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật
- + Tiếng Anh: The Degree of Master in Law

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Luật kinh tế theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu đào tạo người học có trình độ cao trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; có kiến thức lý luận và thực tiễn toàn diện, hiện đại, chuyên sâu về luật kinh tế; có năng lực nghiên cứu khoa học; có kỹ năng và phẩm chất phù hợp để hoàn thành các công việc chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động. Chương trình đào tạo cũng cung cấp cho người học những nền tảng cần thiết về tư duy, kiến thức, kỹ năng để người học có thể tự học tập, nghiên cứu hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo hướng đến các mục tiêu cụ thể sau:

- Về kiến thức

+ Chương trình đào tạo trang bị cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật kinh tế tại Việt Nam và trên thế giới; cập nhật cho người học những kiến thức pháp lý hiện đại về môi trường pháp lý kinh doanh;

+ Chương trình đào tạo cũng nhằm phát triển tư duy pháp lý mang tính hệ thống cho người học dựa trên nền tảng kiến thức đủ rộng và sâu, giúp người học tiếp cận và giải quyết một cách tốt nhất các vấn đề pháp lý đặt ra trong nghiên cứu khoa học và thực hiện các công việc chuyên môn có liên quan đến pháp luật kinh tế.

- Về kỹ năng

+ Chương trình đào tạo trang bị cho người học các kỹ năng cần thiết để có thể nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật kinh tế một cách độc lập, sáng tạo;

+ Cung cấp cho người học các kỹ năng để người học có thể tư vấn và áp dụng hiệu quả pháp luật kinh tế vào việc xử lý các nhiệm vụ chuyên môn ở cơ quan, đơn vị công tác;

+ Cung cấp cho người học các kỹ năng để người học có thể tham gia vào quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật kinh tế.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Chương trình đào tạo nhằm giúp người học sau khi tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để có thể phát triển thành một chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật kinh tế, có thể đảm nhận tốt những cương vị công tác khác nhau tại các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu chuyên ngành pháp luật kinh tế hoặc các chuyên ngành khác gắn gũi với chuyên ngành pháp luật kinh tế;

+ Chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu phát triển các phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội cho người học theo chuẩn mực của một luật gia, đặc biệt trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.

3. Thông tin tuyển sinh

Thông tin tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Luật được ĐHQGHN phê duyệt.

3.1. Hình thức tuyển sinh

Áp dụng hình thức xét tuyển thẳng và xét tuyển.

3.1.1. Xét tuyển thẳng: Thực hiện theo thông báo tuyển sinh hàng năm của Trường và quy định của ĐHQGHN.

3.1.2. Xét tuyển: Được tổ chức kết hợp giữa xét hồ sơ và phỏng vấn đối tượng tuyển sinh.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Đối với hình thức xét tuyển thẳng

Thí sinh phải đáp ứng các điều kiện cụ thể theo thông báo tuyển sinh của Trường và quy định của ĐHQGHN.

3.2.2. Đối với hình thức xét tuyển

Thí sinh dự tuyển phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Về văn bằng

+ Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) ngành phù hợp với CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Luật kinh tế, bao gồm ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức và ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức. Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức, thí sinh phải hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức của chương trình trước khi dự tuyển (Xem danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức của chương trình);

+ Bằng tốt nghiệp của thí sinh dự tuyển phải được xếp từ loại khá trở lên. Trong trường hợp không thỏa mãn điều kiện này, thí sinh phải có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

+ Thí sinh có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT);

- Về ngoại ngữ

+ Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương, được minh chứng bởi các văn bằng, chứng chỉ phù hợp theo quy định của ĐHQGHN;

+ Đối với thí sinh là công dân nước ngoài, phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt;

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định của ĐHQGHN;

- Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường.

Lưu ý: Thí sinh là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài được xét tuyển theo quy định riêng của Trường và của ĐHQGHN.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức

- **Ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức:** Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế; Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế.

- **Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức:**

+ Nhóm 1: Một số ngành thuộc nhóm ngành “Quản trị - Quản lí” gồm: Khoa học quản lí; Quản lí công;

+ Nhóm 2: Một số ngành thuộc nhóm ngành “Khoa học chính trị”: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lí nhà nước; Chính trị học;

+ Nhóm 3: Một số ngành thuộc nhóm ngành “Quản lí tài nguyên và môi trường”: Quản lí tài nguyên môi trường; Quản lí đất đai;

+ Nhóm 4: Một số ngành thuộc nhóm ngành “An ninh và trật tự xã hội”: Trinh sát an ninh; Trinh sát cảnh sát; Điều tra hình sự; Quản lí nhà nước về an ninh trật tự; Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp; Quản lí trật tự an toàn giao thông; Tình báo an ninh.

- **Các học phần bổ sung kiến thức gồm:**

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	04
2	Luật hiến pháp và luật hành chính	04
3	Luật hình sự và tố tụng hình sự	03
4	Luật dân sự và tố tụng dân sự	04
5	Luật thương mại	03
6	Công pháp quốc tế và tư pháp quốc tế	03
Tổng số		21

- Trường hợp thí sinh có bằng cử nhân các ngành đào tạo được cấp bởi các cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc bằng cử nhân được cấp bởi các cơ sở đào tạo trong nước nhưng là các ngành đào tạo thí điểm hoặc các ngành đào tạo mà tại thời điểm tuyển sinh đã không còn đào tạo hoặc đã thay đổi tên ngành thì tùy vào từng trường hợp, căn cứ vào bảng điểm của thí sinh, Trường sẽ xem xét và quyết định theo quy định hiện hành.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

PLO1: Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác - Lênin nhằm giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong chuyên ngành đào tạo;

PLO2: Vận dụng kiến thức cơ sở, đặc biệt là phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý và ngoại ngữ (Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu khoa học và công việc chuyên môn;

PLO3: Tổng hợp kiến thức chuyên sâu theo chuyên ngành đào tạo, bao gồm cả các kiến thức thực tiễn về xây dựng và thi hành pháp luật, các kết quả thu nhận được từ quá trình nghiên cứu khoa học và khả năng tư duy pháp lý hệ thống để giải quyết các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực kinh tế;

PLO4: Đánh giá được ưu, nhược điểm, sự phù hợp, tính hiệu quả của các quy định pháp luật kinh tế và các chính sách có liên quan của Nhà nước trên cơ sở việc phân tích, đối chiếu với thực tiễn thi hành, các yếu tố tác động, so sánh với kinh nghiệm nước ngoài để kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật kinh tế ở Việt Nam.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO5: Áp dụng đúng pháp luật và vận dụng tư duy pháp lý hệ thống trong quá trình thực hiện các công việc chuyên môn và giải quyết những vấn đề pháp lý phức tạp phát sinh từ thực tiễn công tác;

PLO6: Phát hiện những khoảng trống pháp lý, những vấn đề lý luận và thực tiễn mới phát sinh trong lĩnh vực pháp luật kinh tế để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu, thảo luận khoa học và công bố, truyền đạt các tri thức có được dựa trên kết quả nghiên cứu cho giới khoa học pháp lý và cho cộng đồng;

PLO7: Ứng dụng các kết quả nghiên cứu của khoa học pháp lý vào việc xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật kinh tế;

PLO8: Tư vấn pháp luật kinh tế cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu; tham gia giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh - thương mại;

PLO9: Phân biện các vấn đề chuyên môn, chính sách, pháp luật của nhà nước và đề xuất giải pháp cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực kinh tế.

2.2. Kỹ năng hỗ trợ

POL10: Sử dụng thuần thục các phương pháp giao tiếp khác nhau; viết, thuyết trình hoặc tranh luận một cách hiệu quả trong nghiên cứu khoa học và hoạt động nghề nghiệp;

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO11: Có khả năng đưa ra những kết luận chuyên môn mang tính chuyên gia, những giải pháp khoa học có giá trị trong lĩnh vực pháp luật kinh tế;

PLO12: Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân trong môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao, thích ứng nhanh với sự thay đổi của môi trường làm việc;

PLO13: Có năng lực lãnh đạo, quản lý và điều hành đơn vị; khả năng chỉ đạo và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; khả năng đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn;

PLO14: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm để giải quyết công việc một cách sáng tạo và hiệu quả;

PLO15: Chuẩn mực trong lời nói và hành động; thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và khách hàng; chủ động, tự tin trong công việc;

PLO16: Thể hiện đầy đủ phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của một luật gia; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có tinh thần bảo vệ công lí, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mọi tổ chức, cá nhân;

PLO17: Có lòng tự tôn dân tộc; có ý thức đầy đủ về trách nhiệm công dân; sẵn sàng đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm chuẩn mực đạo đức; sẵn

sàng bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

4. Vị trí làm việc mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Chuyên ngành Luật kinh tế định hướng nghiên cứu, học viên có thể sử dụng các kiến thức, kỹ năng và phẩm chất được trang bị để tham gia và đảm nhiệm nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- *Nhóm 1:* Công tác tại các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp ở trung ương hoặc địa phương; các cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội.

- *Nhóm 2:* Hành nghề độc lập hoặc làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp như các doanh nghiệp/công ty/văn phòng: luật; công chứng; thừa phát lại; quản lý và thanh lý tài sản... trong và ngoài nước; làm chuyên viên pháp chế/tư vấn viên tại các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.

- *Nhóm 3:* Công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật kinh tế (các trung tâm, viện nghiên cứu về pháp luật kinh tế; các trường đại học, cao đẳng...).

- *Nhóm 4:* Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Học viên cũng có thể tiếp tục học lên ở bậc học cao hơn (Tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ, trong đó:

- | | |
|---|------------|
| - Khối kiến thức chung: | 9 tín chỉ |
| - Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: | 24 tín chỉ |
| + <i>Bắt buộc:</i> | 16 tín chỉ |

- + *Tự chọn*: 8/31 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học: 27 tín chỉ
- + *Chuyên đề nghiên cứu*: 12 tín chỉ
- + *Luận văn thạc sĩ*: 15 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã số học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	45	5	10	
2		Ngoại ngữ B2 (SDH)* <i>Foreign Language B2</i> (Chọn một trong các thứ Tiếng sau)	5				
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	50	15	10	
	RUS5001	Tiếng Nga B2 <i>Russian B2</i>	5	50	15	10	
	CHI5001	Tiếng Trung Quốc B2 <i>Chinese B2</i>	5	50	15	10	
	FRE5001	Tiếng Pháp B2 <i>French B2</i>	5	50	15	10	
	WES5001	Tiếng Đức B2 <i>German B2</i>	5	50	15	10	
	OLC5001	Tiếng Nhật Bản B2 <i>Japanese B2</i>	5	50	15	10	

STT	Mã số học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
	KOR5001	Tiếng Hàn Quốc B2 <i>Korean B2</i>	5	50	15	10	
	THA5001	Tiếng Thái Lan B2 <i>Thai B2</i>	5	50	15	10	
	ARA5001	Tiếng Ả Rập B2 <i>Arabic B2</i>	5	50	15	10	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		24				
II.1	Các học phần bắt buộc		16				
3	UL6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí <i>Legal Research Methods</i>	2	18	6	6	
4	BSL6070	Môi trường pháp lí kinh doanh <i>Legal Environment of Business</i>	3	27	9	9	
5	BSL6022	Pháp luật về các quan hệ lao động <i>Labour Relations Law</i>	3	27	9	9	
6	BSL6054	Pháp luật về quyền sử dụng đất ở Việt Nam <i>Land Use Rights in Vietnam</i>	2	18	6	6	
7	BSL6055	Pháp luật về hoạt động tín dụng ngân hàng <i>Bank Credits Law</i>	2	18	6	6	

STT	Mã số học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
8	BSL6028	Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng các biện pháp thay thế <i>Alternative Dispute Resolution</i>	2	18	6	6	
9	BSL6078	Những vấn đề pháp lí về kinh doanh có trách nhiệm <i>Legal Issues of Responsible Business</i>	2	18	6	6	
II.2	Các học phần tự chọn		8/31				
10	BSL6042	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng <i>Consumer Protection Law</i>	2	18	6	6	
11	BSL6051	Pháp luật phá sản <i>Bankruptcy Law</i>	3	27	9	9	
12	BSL6025	Những vấn đề pháp lí về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững <i>Legal Issues of Green Growth and Sustainable Development</i>	2	18	6	6	
13	BSL6072	Pháp luật về giải quyết tranh chấp đất đai <i>Land Dispute Resolution Law</i>	2	18	6	6	

STT	Mã số học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
14	BSL6073	Pháp luật về giải quyết tranh chấp môi trường <i>Environmental Dispute Resolution Law</i>	2	18	6	6	
15	BSL6056	Pháp luật về thuế áp dụng đối với doanh nghiệp <i>Corporate Taxation Law</i>	2	18	6	6	
16	BSL6030	Pháp luật về phát hành và giao dịch chứng khoán <i>Securities Issuance and Trading Law</i>	2	18	6	6	
17	BSL6039	Pháp luật về cho thuê tài chính <i>Financial Leasing Law</i>	2	18	6	6	
18	BSL6074	Pháp luật về quản trị tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Financial Management Law</i>	3	27	9	9	
19	BSL6037	So sánh pháp luật về tổ chức kinh doanh <i>Comparative Business Organization Law</i>	3	27	9	9	
20	BSL6050	Pháp luật bảo vệ người lao động <i>Labour Protection Law</i>	3	27	9	9	

STT	Mã số học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
21	BSL6075	Những vấn đề pháp lí về đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài <i>Legal Issues of Sending Vietnamese People Working Abroad</i>	2	18	6	6	
22	BSL6053	Pháp luật về hợp đồng lao động <i>Labour Contract Law</i>	3	27	9	9	
III	Nghiên cứu khoa học		27				
III.1	Chuyên đề nghiên cứu^(**)		12				
23	BSL6080	Chuyên đề nghiên cứu 1: Nghiên cứu về lĩnh vực pháp luật thương mại <i>Essay 1: Commercial Law</i>	4	5	10	45	
24	BSL6081	Chuyên đề nghiên cứu 2: Nghiên cứu về lĩnh vực pháp luật tài chính - ngân hàng và pháp luật lao động - an sinh xã hội <i>Essay 2: Financial - Banking Law and Labour and Social Security Law</i>	4	5	10	45	

STT	Mã số học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
25	BSL6082	Chuyên đề nghiên cứu 3: Nghiên cứu về lĩnh vực pháp luật đất đai - môi trường <i>Essay 3: Land and Environment Law</i>	4	5	10	45	
III.2	Luận văn thạc sĩ		15				
26	BSL7202	Luận văn thạc sĩ Master thesis	15				
Tổng cộng			60				

Ghi chú:

- (*) Học phần Ngoại ngữ B2 (SDH) có số lượng 5 tín chỉ, được tính vào tổng số tín chỉ của CTĐT nhưng không tính vào điểm trung bình chung học kì và trung bình chung học tập;

- (**) Học viên thực hiện 03 chuyên đề nghiên cứu theo quy định của Nhà trường. Với mỗi chuyên đề nghiên cứu, học viên sẽ lựa chọn một đề tài về lĩnh vực nghiên cứu tương ứng theo sự hướng dẫn của Khoa chuyên môn.